

Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 6 và 6 tháng năm 2020

	Ước tính tháng 6 năm 2020	Ước tính 6 tháng năm 2020	Tháng 6 năm 2020 so với tháng trước (%)	Tháng 6 năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)	6 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1,175.65	5,910.11	113.26	101.19	85.07
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	1,175.65	5,910.11	113.26	101.19	85.07
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	139,666.76	708,001.53	112.04	100.03	84.24
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	139,666.76	708,001.53	112.04	100.03	84.24
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	281.45	1,587.04	111.69	102.98	96.04
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	281.45	1,587.04	111.69	102.98	96.04
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	19,058.64	108,669.07	111.40	102.79	96.77
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	19,058.64	108,669.07	111.4	102.79	96.77
Hàng không	-	-	-	-	-